

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 5 năm 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Dương

2. Ông Đỗ Đức Nhân

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXX-ST ngày 16/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị D, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình (Chị D có mặt, anh Ch vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Đoàn Thị D có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị D kết hôn với anh Nguyễn Văn Ch do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 05/01/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở nhà anh Ch ở thôn H, xã Q, huyện Q. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 08 năm thì bắt đầu phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Năm 2017, chị D về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn H, xã Q sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không liên lạc, hỏi han quan tâm gì đến nhau. Nay chị D xác định cuộc sống vợ chồng với anh Ch không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Ch.

Về con chung: Chị Đoàn Thị D trình bày, chị và anh Nguyễn Văn Ch có 02 con chung là Nguyễn Nam A, sinh ngày 18/11/2008 và Nguyễn Kiều A1, sinh ngày 02/8/2013. Hiện nay con Nam A đang ở cùng ông bà nội (bố mẹ đẻ của anh Ch), con Kiều A1 đang ở cùng với chị. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con Nam A cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Kiều A1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đoàn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn Ch vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

- *Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Văn H (bố đẻ anh Ch), địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Đoàn Thị D và anh Nguyễn Văn Ch là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình ông tại thôn H, xã Q. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng theo ông được biết là do vấn đề kinh tế gia đình. Đầu năm 2017, vợ chồng sống ly thân. Nay chị D xin ly hôn anh Ch, gia đình ông đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp chị D cương quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Ch vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn H, xã Q, huyện Q. Hiện nay anh Ch đang làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, khi gia đình có công việc, anh Ch vẫn về. Ông H đã nhận thay anh Ch các văn bản, quyết định tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Ch biết nhưng anh Ch không đến Tòa án giải quyết được, quan điểm của anh Ch là nếu chị D muốn ly hôn thì chị D cứ giải quyết ly hôn một bên.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn H xác nhận vợ chồng chị D, anh Ch có 02 con chung đúng như chị D trình bày. Gia đình ông và anh Ch đều đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Nam A cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay con Nam A vẫn đang ở cùng gia đình ông, được chăm sóc chu đáo, phát triển khỏe mạnh, bình thường và đang theo học lớp 6 Trường trung học cơ sở và tiểu học Q. Còn con Kiều A1 đề nghị Tòa án giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị D, anh Ch: Ông H không nắm rõ.

- *Tại biên bản ghi lời khai của con chung là cháu Nguyễn Nam A, sinh ngày sinh ngày 18/11/2008 thể hiện: cháu Nam A có nguyện vọng được ở cùng với bố là anh Nguyễn Văn Ch và ông bà nội.*

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Đoàn Thị D và anh Nguyễn Văn Ch là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Q, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ hiện nay ở đâu là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị D, anh Ch được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không thực sự thấu hiểu, chia sẻ với nhau về các vấn đề trong cuộc sống nhất là về kinh tế gia đình dẫn tới xảy ra va chạm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc chị D đề nghị ly hôn nhưng anh Ch không trực tiếp đến trình bày quan điểm với Tòa án. Thông qua gia đình, anh Ch thể hiện ý kiến đề chị D tự giải quyết đơn phương. Điều đó chứng tỏ anh Ch không có thiện chí hòa giải để vợ chồng

đoàn tụ. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D, anh Ch đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, xử cho chị được ly hôn anh Ch là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Đoàn Thị D và anh Nguyễn Văn Ch có 02 con chung là Nguyễn Nam A, sinh ngày 18/11/2008 và Nguyễn Kiều A1, sinh ngày 02/8/2013. Ly hôn, chị D và anh Ch (thông qua gia đình) đều đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Nam A cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Kiều A1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị D, anh Ch đều chính đáng, phù hợp với ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn H (bố đẻ anh Ch), phù hợp với kết quả xác minh tại cơ sở thôn H, xã Q và thống nhất với nguyện vọng của con chung Nguyễn Nam A nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đoàn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn Ch không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn Ch.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao anh Nguyễn Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Nam A, sinh ngày 18/11/2008, giao chị Đoàn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Kiều A1, sinh ngày 02/8/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp theo Biên lai thu số 0004271 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đoàn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, h. Quỳnh Phụ
(nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phụng